TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v: "*Xin ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp;**

2. Ông **Trần Minh Nhựt.**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 n 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/06/2023, về việc " *Tranh chấp xin ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 08 n 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 n 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thu Th**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp K, thị trấn T, huyện T, tỉnh K.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh Nguyễn Văn N vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu Th trình bày: Vào n 2022, chị Trần Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn N sống với nhau, hai bên gia đình không có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện Ch, tỉnh K vào ngày 17/10/2022.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó giữa vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau do không cùng chung quan điểm sống, dù rằng gia đình hai bên đã dằn xếp nhưng bất thành. Từ đó dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2023 đến nay.

Nay chị Th xét thấy tình cảm giữa chị và anh N đã hết, không thể hàn gắn lại được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Thu Th có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn N đều không có mặt.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Thu Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Anh Nguyễn Văn N vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Thu Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu Th khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn N hộ khẩu thường trú ấp Hòa Thuận, xã V, huyện Ch, tỉnh K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự n 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K.

Anh Nguyễn Văn N chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Thu Th, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Nguyễn Văn N vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự n 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn N thành lập gia đình với nhau vào n 2022 trên sơ sở hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Thúy nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau do không cùng chung quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 12 tháng 7 n 2023 (BL số: 17) trình bày : " Chị Trần Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn N, sinh n: 1990 có địa chỉ nơi cư trú: Ấp H, xã V, huyện Ch, tỉnh K hiện nay đã sống ly thân với nhau, không còn chung sống với nhau; ...".

Thực tế chị Trần Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn N đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 n 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn N không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh Nguyễn Văn N vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Trần Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn N đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia

đình n 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu Th, xử cho chị Trần Thị Thu Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn N là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị Trần Thị Thu Th xác nhận trong thời gian chung sống chị và anh Nguyễn Văn N không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh Nguyễn Văn N theo quy định pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn N vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa chị Trần Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn N. Mặt khác, trong quá trình giải vụ án tại Toà án cũng như tại phiên toà chị Th xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Trần Thị Thu Th là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 , Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự n 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình n 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thu Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000866 ngày 21 tháng 06 n 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K, chị Th không phải nộp thêm.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung n 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung n 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung n 2014".

5. Báo quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu Th có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

Nơi Nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.